

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN  
NA RÌ HAMICO**

Số: 58./2015/CV-KSS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 04 tháng 4 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI  
TRÁI PHIẾU THÀNH CỔ PHIẾU  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO**

**Kính gửi:- Ủy ban chứng khoán nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.**

Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO  
Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Lũng Hoàn, Xã Xuất Hóa, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn  
Điện thoại: 0281.6286 786 Fax: 0281.3875 021  
Website: www.narihamico.vn

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI ĐÃ PHÁT HÀNH:**

1. Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi
2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
3. Giá bán: 100.000 đồng/trái phiếu
4. Khối lượng phát hành: 1.000.000 trái phiếu
5. Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ thông qua Đại lý phát hành
6. Ngày phát hành: 04/04/2014
7. Ngày đáo hạn: 04/04/2015
8. Thời gian thanh toán tiền mua trái phiếu: 31/03/2014
9. Mục đích phát hành trái phiếu: Đầu tư nâng công suất Nhà máy tuyển luyện Chi Kẽm - Ngân Sơn
10. Tổng khối lượng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành: 1.000.000 trái phiếu.
11. Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi đã phát hành (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng.
12. Lãi suất: 10%/năm
13. Kỳ hạn: 12 tháng
14. Nguyên tắc trả lãi và gốc:



- Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 06 tháng vào ngày tròn 06 tháng kể từ ngày phát hành. Tiền lãi trái phiếu không được tính để chuyển đổi cổ phiếu và được thanh toán bằng tiền mặt.
- Tại ngày đáo hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu. Do đó, trái phiếu không được thanh toán gốc.

15. Nguyên tắc chuyển đổi thành cổ phiếu:

- Tỷ lệ chuyển đổi (bao gồm công thức chuyển đổi): 01:10 (01 trái phiếu được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu)
  - o Tỷ lệ chuyển đổi tại thời điểm chuyển đổi được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chuyển đổi} = \frac{\text{Mệnh giá trái phiếu}}{\text{Giá chuyển đổi}}$$

- Thời gian chuyển đổi: 12 tháng kể từ thời điểm phát hành
- Giá chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phiếu

**II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU THÀNH CỔ PHIẾU:**

*(Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu được thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2013 số 01.08/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2013 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23.10/2013/NQ-HĐQT ngày 23/10/2013 về việc chi tiết phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi)*

1. Tên trái phiếu đã chuyển đổi: Trái phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico
2. Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi: 1.000.000 trái phiếu
3. Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
4. Tỷ lệ chuyển đổi: 01:10 (01 trái phiếu được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
5. Ngày chuyển đổi: 04/04/2015
6. Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi: 31/03/2015
7. Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu: 31/03/2015
8. Tên cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico
9. Mã cổ phiếu: KSS
10. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông



11. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

12. Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi: 10.000.000 cổ phiếu

13. Tổng giá trị cổ phiếu đã được chuyển đổi: 100.000.000.000 đồng

14. Tổng số trái phiếu được chuyển đổi chiếm 100% tổng số Trái phiếu chuyển đổi đã phát hành (1.000.000 trái phiếu)

### III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU:

Đối tượng	SL trái phiếu sở hữu (trái phiếu)	SL trái phiếu được chuyển đổi (trái phiếu)	SL cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu (cổ phiếu)			Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu trên tổng số cổ phiếu được chuyển đổi
			Hạn chế chuyển nhượng	Phổ thông	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6=4+5	7
<b>I. Cổ đông đặc biệt</b>						
1. Hội đồng quản trị						
Trong đó - Nước ngoài						
- Trong nước						
2. Ban kiểm soát						
3. Ban Giám đốc						
4. Giám đốc tài chính						
5. Kế toán trưởng						
6. Người được uỷ quyền CBTT						
<b>III. Cổ phiếu quỹ</b>						
<b>IV. Cổ đông khác</b>						
1. Trong nước	1.000.000	1.000.000	0	10.000.000	10.000.000	100%
1.1 Cá nhân	300.000	300.000	0	3.000.000	3.000.000	30%
1.2 Tổ chức	700.000	700.000	0	7.000.000	7.000.000	70%
Trong đó Nhà nước:						
2. Nước ngoài						
2.1 Cá nhân						
2.2 Tổ chức						
<b>CỘNG</b>	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>

### IV. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN SAU KHI CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung	7.000.000	2900819613, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 07/9/2007, thay đổi lần thứ 8 ngày 02/12/2014.	Số 60 Nguyễn Tuấn Thiện, P. Lê Mao, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.	14,16%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	7.000.000			14,16%

#### V. CƠ CẤU VỐN SAU ĐỢT CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU (\*)

STT	Danh mục	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước		
2	Cổ đông lớn		
3	Cổ đông khác		
4	Cổ phiếu quỹ		
<b>Tổng cộng</b>		<b>494.325.000.000</b>	<b>100%</b>
<i>Trong đó: - Trong nước</i>			
<i>- Nước ngoài</i>			

(\*): Công ty sẽ bổ sung thông tin khi có danh sách cổ đông cập nhật sau khi chuyển đổi Trái phiếu.

#### VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong báo cáo này là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức niêm yết cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TTLK;
- Lưu VT.



**NGUYỄN VĂN ĐÌNH**